

# KIẾN THỨC, THỰC HÀNH PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN Y TẾ VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN QUẬN 4 NĂM 2022

Tô Thành Tâm

## NỘI DUNG TRÌNH BÀY

1	ĐẶT VẤN ĐỀ
2	TỔNG QUAN Y VẤN
3	ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP
4	KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN
5	KẾT LUẬN
6	KIẾN NGHỊ



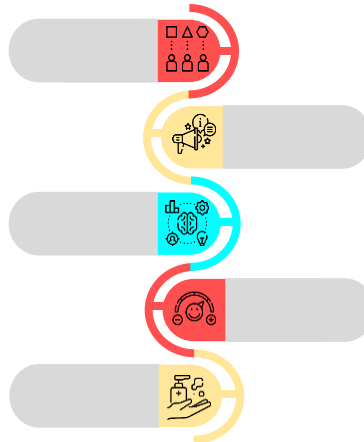
## ĐẶT VẤN ĐỀ



TT58/2015, TT20/2021



QĐ 2171/2022



QĐ 6279/2017-QĐ-UBND



QĐ 2355/2022

**HICS** Hội Chữ Minh City  
Infectious Control  
Độc lập  
Hội kiểm soát nhiễm khuẩn TP HCM

## ĐẶT VẤN ĐỀ

BYT (2022)  
tổng lượng CTYT 440,7 tấn/ngày,  
CTYT nguy hại 71,5 tấn/ngày



08/12/2020  
237 quốc gia, vùng lãnh thổ,  
toàn thế giới  
68 triệu ca COVID-19,  
1.550.263 người tử vong

- ❖ NVYT cần được cập nhật kiến thức, thực hành
- ❖ Theo CQLMTYT 52,4% tập huấn, kiến thức 67,6%
- ❖ Một số NVYT chưa tuân thủ thực hành lý CTYT



(2021)  
CTYT sinh hoạt 156.000 kg,  
nguy hại: 58.629 kg, 35-40%.

→ Tiến hành nghiên cứu

**HICS** Hội Chữ Minh City  
Infectious Control  
Độc lập  
Hội kiểm soát nhiễm khuẩn TP HCM

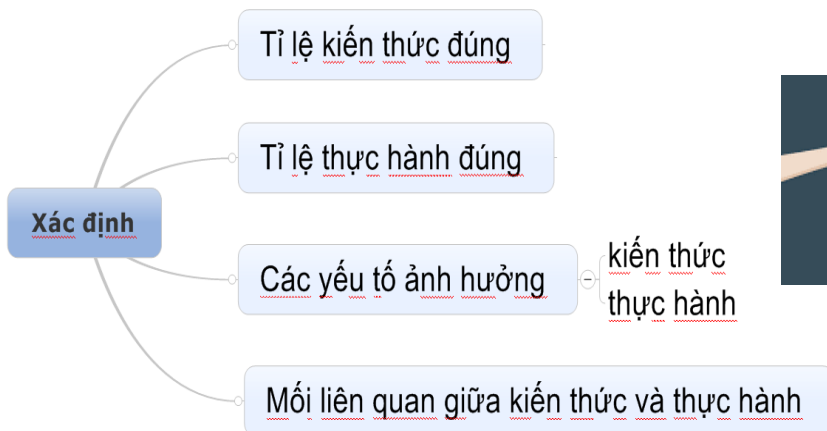
## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU



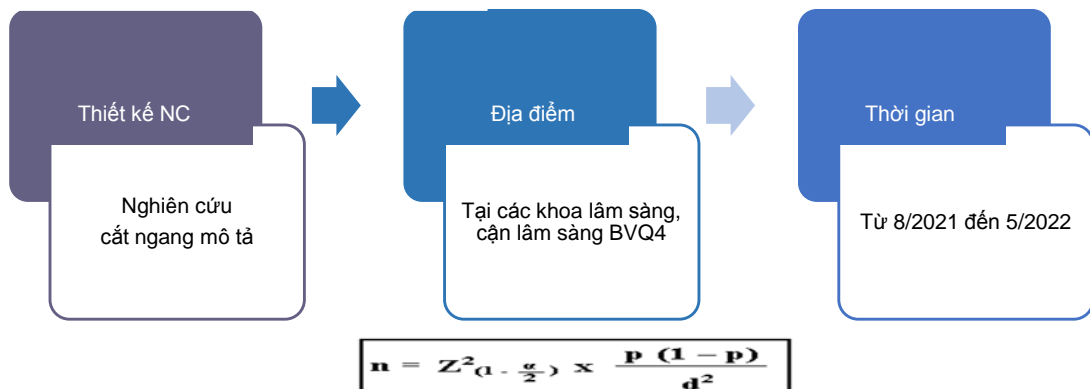
- Tỷ lệ NVYT có kiến thức, thực hành đúng phân loại chất thải y tế tại BVQ4 là bao nhiêu?
- Các yếu tố nào liên quan đến kiến thức, thực hành phân loại chất thải y tế tại BVQ4?



## MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

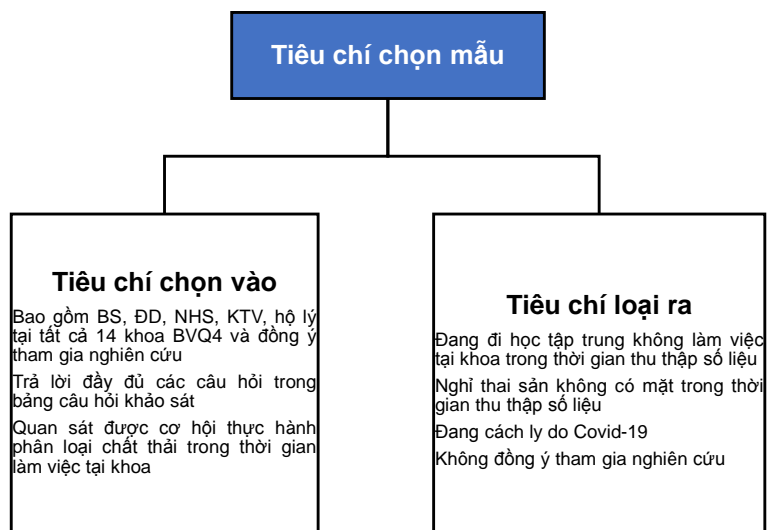


## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



Đặng Thị Thu Hương (2017) - BV Nhi Trung Ương, tỷ lệ NVYT có thực hành đúng 35.1% →  $p = 0,35$ , cỡ mẫu tối thiểu là **97 NVYT** → Cỡ mẫu thực tế thu được trong thời gian nghiên cứu: **149 NVYT**

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



# ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Phần A. Thông tin cá nhân, từ A1 đến A9**

**Phần B. Khảo sát kiến thức**

B1 đến B10	Cơ bản về chất thải y tế
B11 đến B13	Giảm thiểu CTYT
B14 đến B25	Mã màu, dán nhãn CTYT
B26 đến B31	Tiêu chuẩn túi, thùng đựng, xe vận chuyển
B32 đến B42	Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển
B43 đến B45	An toàn lao động và ứng phó sự cố
B46 đến B50	Chất thải SARS-COV2

**Phần C. Khảo sát thực hành**

Khảo sát các tiêu chí thực hành thông qua bảng kiểm tại khu vực khoa, phòng và khu vực cách ly bệnh nhân nhiễm hoặc nghi nhiễm SARS-COV2



# ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Kiểm soát sai lệch:**

**Sai lệch chọn lựa:**

- Chọn mẫu đúng tiêu chí chọn vào và tiêu chí loại ra

**Sai lệch thông tin:**

- Định nghĩa rõ ràng, cụ thể biến số
- Bộ câu hỏi bám sát mục tiêu, ngắn gọn, đơn giản
- Cung cấp thông tin, hướng dẫn trả lời

**Nghiên cứu thử:** 20 đối tượng cho hệ số Cronbach's  $\alpha$  0,79

**Xử lý dữ liệu:**

- Kiểm tra tính hoàn chỉnh
- Nhập liệu bằng Epidata Phân tích bằng Stata

**Thống kê mô tả:**

- Bảng tần số và tỷ lệ phần trăm

**Thống kê phân tích:**

- Kiểm định chi bình phương hoặc Fisher
- PR với khoảng tin cậy 95%



# ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## ❖ Vấn đề y đức

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng đạo đức Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 736/HĐĐĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 12 năm 2021 và sự chấp thuận của BVQ4

Nghiên cứu chỉ tiến hành thu thập thông tin các đối tượng đã được giải thích rõ và đồng ý tham gia nghiên cứu

Có quyền từ chối tham gia mà không bị ảnh hưởng

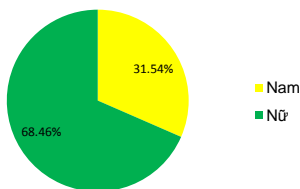
Mọi thông tin về đối tượng nghiên cứu hoàn toàn bảo mật



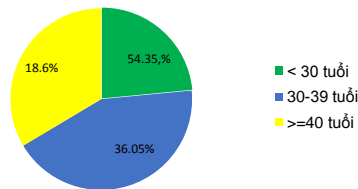
# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

## Đặc điểm dân số - xã hội

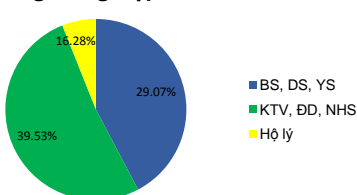
**Giới**



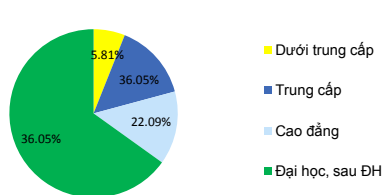
**Nhóm tuổi**



**Nghề nghiệp**



**Trình độ văn hóa**

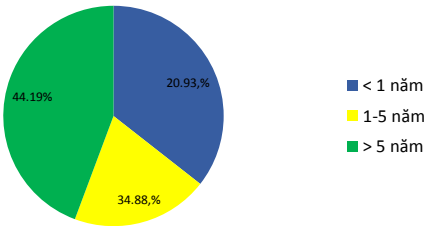


# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

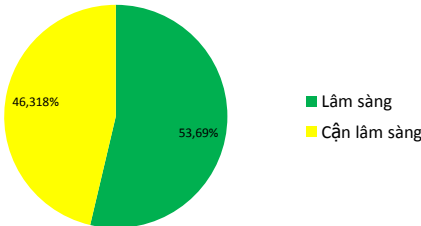
## Tập huấn PLCTYT

Tập huấn phân loại chất thải rắn y tế	Có	Tỉ lệ
Có	100	100
Không	0	0

Thời gian công tác



Khoa



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Kiến thức	Tần số	Tỉ lệ(%)
<b>Kiến thức cơ bản về CTYT</b>		
Tất cả chất thải trong BV đều được coi là CTYT	60	40,3
Khoảng 70%-80% lượng CTYT là chất thải nguy hại	33	33,2
<b>Kiến thức giảm thiểu CTYT</b>		
Kiểm soát chặt chẽ quá trình thực hành lâm sàng giúp giảm thiểu phát sinh chất thải nguy hại	139	93,3
Sử dụng nhiệt kế điện tử giảm thiểu phát sinh chất thải nguy hại lây nhiễm chứa kim loại nặng	11	7,4
Phân loại chất thải chính xác giúp giảm thiểu phát sinh chất thải nguy hại	145	97,3

BYT (2022): tổng 440,7 tấn/ngày, CTYT nguy hại là 71,5 tấn/ngày (16,2%).

BVQ4 (2021), CTYT lây nhiễm 58.629 kg, CTYT sinh hoạt 156.000 kg, CTYT nguy hại chiếm 35-40%.

Tương tự Muagabi (2020) 90,5% (572/632) kiến thức về hậu quả của quản lý CTYT kém, đặc biệt là rủi ro về sức khỏe.

Tỉ lệ này cao hơn của Đặng Thị Thu Hương kiến thức giảm thiểu y tế là 58.2%.

## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Kiến thức mã màu CTYT – túi, thùng đựng	Tần số	Tỉ lệ(%)
CTYT thông thường	134	89,9
Chất thải lây nhiễm	144	96,6
Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn	73	48,9
CTYT thông thường phục vụ mục đích tái chế	131	87,9
CTYT thông thường thuộc nhóm chất hữu cơ	113	75,8
CTYT thông thường thuộc nhóm chất còn lại	109	73,2

Nguyễn Thị Bông (2017): mã màu thùng đựng chất thải y tế chiếm tỉ lệ 96,83%.

Đặng Thị Thu Hương (2017): mã màu thu gom chất thải 53.9%; 65.9%, 53.4%.



TT 58/2015/BYT-BTNMT  
(31.12.2015)

TT 20/2021/BYT  
(26.11.2021)



8235/SYT  
(25.12.2018)

X

## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Biểu tượng thu gom, vận chuyển	Tần số	Tỉ lệ(%)
Biểu tượng chứa chất gây bệnh	89	59,7
Biểu tượng gây độc tế bào	131	87,9
Biểu tượng tái chế	144	96,6
Biểu tượng chứa chất độc hại	116	77,9
Biểu tượng chất thải nguy hại	117	78,5
Các chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải được xử lý ban đầu	115	77,2
Thùng đựng chất thải cần được làm sạch, khử khuẩn hàng tuần	14	9,4

Đặng Thị Thu Hương (2017) kiến thức đúng về biểu tượng chất thải chỉ chiếm 38.5%.

Trần Quỳnh Anh (2018) - 3 BV Hà Nội, Nghệ An và Kiên Giang: quy định thời gian lưu giữ là 73,2%; hình thức vận chuyển và xử lý CTYT nguy hại là 69,4% và 70,7%.

Phạm Minh Khuê (2020) - BV Hải Phòng: Để cải thiện hoạt động QL CTYT, cần bổ sung các hồ sơ về thủ tục còn thiếu, cải tạo lại nhà chứa CTYT đúng quy định.



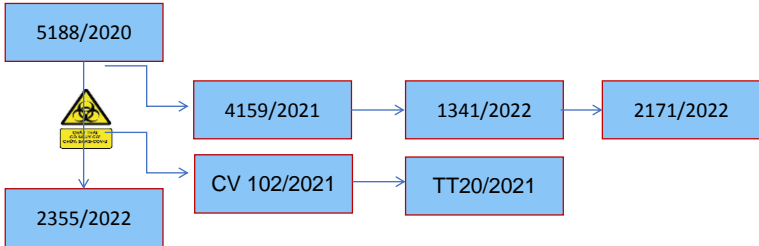
KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Kiến thức phân loại CTYT	Tần số	%
Xử lý khi kim tiêm đâm	105	70,47
Xử lý khi máu, dịch cơ thể bắn	132	88,59
Quy trình báo cáo phơi nhiễm	46	30,87

Đặng Thị Thu Hương, kiến thức ATLĐ ứng phó với sự cố có liên quan đến CTYT còn thấp dưới 40%.

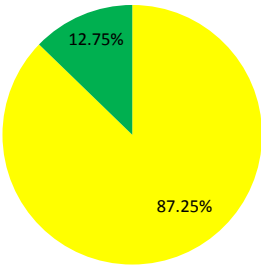


Kiến thức - chất thải SARS-COV2	Tần số	%
Mục đích xử lý	145	97,32
Nguyên tắc xử lý	136	91,28
Quy trình thu gom	110	73,83
Đối tượng áp dụng	142	95,30
Nhân chất thải	123	82,55



KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Kiến thức đạt



- Kiến thức đạt
- Kiến thức không đạt

Stephen – 2020- Ghana 52,4% người được hỏi có kiến thức về quản lý chất thải y tế

Trần Quỳnh Anh - 2018 - Hà Nội, Nghệ An và Kiên Giang - tỉ lệ NVYT đạt kiến thức về phân định 62,2%

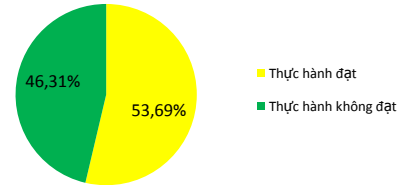
Cục Quản lý môi trường y tế -2015-2016 - Nhóm CBYT được tập huấn có kiến thức đạt cao hơn 8,5 lần so với nhóm chưa được tập huấn



## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Thực hành phân loại CTYT	Tần số	%
<b>Chất thải lây nhiễm</b>		
C1.Cơ hội 1	148	99,33
C2.Cơ hội 2	145	97,32
<b>Chất thải nguy hại không lây nhiễm</b>		
C3.Cơ hội 1	60	40,27
C4.Cơ hội 2	118	79,19
<b>Chất thải tái chế</b>		
C5.Cơ hội 1	146	97,99
C6.Cơ hội 2	138	92,62
<b>Chất thải sinh hoạt</b>		
C7.Cơ hội 1	94	63,09
C8.Cơ hội 2	90	60,4
<b>Chất thải sinh hoạt còn lại</b>		
C9.Cơ hội 1	114	76,51
C10.Cơ hội 2	81	68

Thực hành đạt



Alex Amariglio - 2021- BV Ý 57% xử lý không đúng cách  
Nguyễn Văn Bằng – 2021 - tỉ lệ thực hành 57,4%

Stephen – 2020- Ghana tỉ lệ thực hành 47,5%

Solomon Berhanu, (COVID-19) - 5 năm công tác cao > 1,59 lần nhóm còn lại

## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Đặc điểm	Thực hành		KTC 95%	p
	Đạt	Không đạt		
<b>Tuổi</b>				
< 30 tuổi	21 (60)	14 (40)	1	0,04*
30-39 tuổi	39 (60,9)	25 (39,1)	0,6(0,5-0,9)	
≥40 tuổi	20 (40)	30 (60)	0,5(0,3-0,9)	
<b>Khoa</b>				
Khoa lâm sàng	57 (48,7)	23 (51,3)	1	0,02*
Khoa cận lâm sàng	60 (71,9)	9 (28,1)	1,4(1,1-1,9)	
<b>Phát thanh</b>				
Có	47 (54,8)	33 (45,2)	1,3(1,1-1,8)	0,04*
Không	29 (38,2)	40 (61,8)	1	
<b>Bạn bè</b>				
Có	18(72)	7(28)	1,4(1,1-1,9)	0,04*
Không	62(50)	62(50)	1	
<b>Kiến thức</b>				
Đạt	70 (12,5)	60(86,9)	1,0 (0,6-1,6)	0,92
Không đạt	10(87,5)	9(13,1)	1,00	

Phạm Minh Khuê – BV Hải Phòng -2020 BS, ĐD, KTV cao hơn đối tượng vệ sinh viên (98,5% so với 71,4%,  $p < 0,05$ ).

Có sự khác biệt kiến thức, thực hành về QL CTYT với chức danh chuyên môn, tình hình tập huấn của NVYT.

Biniyam Sahiledengle - Ethiopia - 2019 Giới nam, dưới 30 tuổi, kinh nghiệm làm việc dưới 2 năm, làm việc trong bộ phận có thùng phân loại chất thải y tế tại chỗ là các yếu tố tương quan với thực hành phân loại CTYT.

## KẾT LUẬN

Tỉ lệ kiến thức chung đúng của NVYT đạt chiếm tỉ lệ 87,25%.

Tuy nhiên, một số kiến thức đúng tỉ lệ chưa cao, kiến thức về mã màu đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm chiếm tỉ lệ thấp dưới 50%.

Thùng đựng chất thải cần được làm sạch và khử khuẩn hàng ngày 9,4%.

Đa số nhận định chưa đúng về quy trình báo cáo phơi nhiễm 30,87%.

Tỉ lệ thực hành chung đạt phân loại chất thải y tế của NVYT đạt 53,69%.

Nhóm tuổi <30, các khoa Cận lâm sàng, tiếp cận nguồn thông tin từ phát thanh, từ bạn bè có tỉ lệ thực hành phân loại CTYT cao hơn nhóm còn lại ( $p < 0,05$ ).



## KIẾN NGHỊ

### Kiến thức

Tăng cường tập huấn kiến thức QLCT.

Chú trọng về phân loại đúng nhóm, mã màu, biểu tượng.

Xử trí ứng phó sự cố phơi nhiễm liên quan CTYT và an toàn lao động.

### Thực hành

Tăng cường giám sát thực hành phân loại, thu gom, vận chuyển tại các khoa CĐHA, KB, GMHS, YHCT để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### Khoa, phòng

Lãnh đạo khoa, phòng có cơ sở xây dựng kế hoạch

Tham mưu cho Ban Giám Đốc mua sắm, bổ sung vật tư trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu quản lý chất thải y tế đúng theo quy định.



**XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN  
QUÝ ĐẠI BIỂU ĐÃ LẮNG NGHE**

